TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14/03/2022.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đẹp**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Thuyền**

2. Bà **Ngô Hồng Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 03 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc P**, sinh năm 1986

Địa chỉ: số nhà 30/17/7 đường Nguyễn Công T, phường Vĩnh T, thành phố R, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Tvắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai ngày 14/01/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2004, chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Tcó tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 14 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tiễn.

Về con chung: Chị P xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh T có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005. Hiện tại cháu Trân đang sống chung với chị P. Chị P xác định chị yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị P xác định giữa chị và anh T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị P không có yêu cầu gì khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn Ttrình bày:***

Về hôn nhân: Vào năm 2004, anh T và chị P có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 14 năm nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh T thì anh T đồng ý;

Về con chung: Anh T xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị P có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005. Hiện tại cháu Trinh đã lớn và đã trưởng thành còn cháu Hiếu thì đang sống với chị Luyến, chị Trân đang sống chung với chị P. Anh T xác định anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 cho chị P nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh T xác định giữa anh và chị P không có tài sản chung, không yêu cầu giải Toa án quyết.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Tlà vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Tkhông phải cấp dưỡng nuôi cháu Trân nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngan cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Ngọc P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tvà yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn Tcó nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc P và bị đơn anh Nguyễn Văn Ttuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị P và anh T.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Tiễn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị P và anh T thừa nhận

vào năm 2004, chị P và anh T có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay chị P xin ly hôn với anh T thì anh T cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Tlà vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị P và anh T xác định giữa anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005. Hiện tại, cháu Trân đang sống chung với chị P. Chị P yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 và anh T cũng đồng ý giao cháu Trân cho chị P nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 có nguyện vọng được theo sống chung với chị P. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Txác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Tlà vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Huyền Trân, sinh ngày 24/8/2005 cho chị Nguyễn Thị Ngọc P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc P và anh Nguyễn Văn Txác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị P đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006081, ngày 14/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Đẹp

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *CC THADS huyện Hồng Dân ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Văn Bình